

Các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

ĐINH SƠN HỒNG*

Tóm tắt

Qua thu thập 215 mẫu khảo sát từ các doanh nghiệp trên địa bàn Huyện, kết quả nghiên cứu cho thấy, có 8/9 yếu tố tuân thủ thuế của các doanh nghiệp ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn huyện Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh, đó là: (1) Nguồn lực cơ quan thuế; (2) Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; (3) Chính sách pháp luật thuế; (4) Thanh tra - kiểm tra thuế; (5) Nhận thức của doanh nghiệp; (6) Hệ thống thủ tục thuế; (7) Yếu tố kinh tế - xã hội; (8) Đặc điểm của doanh nghiệp. Dựa vào kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra các hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế và cải thiện việc tuân thủ thuế của doanh nghiệp, đảm bảo nguồn thu NSNN trên địa bàn Huyện thời gian tới.

Từ khóa: nguồn thu NSNN, huyện Cầu ngang, tỉnh Trà Vinh

Summary

Through a survey of 215 respondents from businesses in Cau Ngang district, Tra Vinh province, the research points out 8 out of 9 factors of enterprises' tax compliance affecting the state budget revenue, which are: (1) Tax authority resources; (2) Propaganda and support for taxpayers; (3) Tax policy; (4) Tax inspection and examination; (5) Perception of enterprises; (6) Tax procedure system; (7) Socio-economic factors; (8) Characteristics of enterprises. Based on the result, the author provides policy implications to improve the efficiency in tax administration and tax compliance of enterprises, ensuring state budget revenue of the district in the coming time.

Keywords: state budget revenue, Cau Ngang district, Tra Vinh province

GIỚI THIỆU

Năm 2020 sáp nhập Chi cục Thuế khu vực Cầu Ngang - Trà Cú, thay đổi tổ chức, địa bàn quản lý rộng hơn, trụ sở chính đặt tại huyện Cầu Ngang, quản lý thuế trên 2 địa bàn huyện (theo Quyết định số 171/QĐ-BTC, ngày 07/02/2020 của Bộ Tài chính). Cầu Ngang nằm trong danh mục huyện khó khăn theo quy định của Chính phủ, nguồn thu ngân sách trên địa bàn Huyện chưa cân đối đủ thu chi, còn cấp bù ngân sách cấp trên cho huyện Cầu Ngang. Từ những thay đổi nêu trên, nếu không được phân tích xác định của các yếu tố và mức độ ảnh hưởng đến thu ngân sách sẽ không có giải pháp kịp thời hiệu quả cho công

tác quản lý thuế và nguồn thu ngân sách trong những năm tới.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh là cần thiết, từ đó đề xuất những hàm ý chính sách cải thiện mức độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

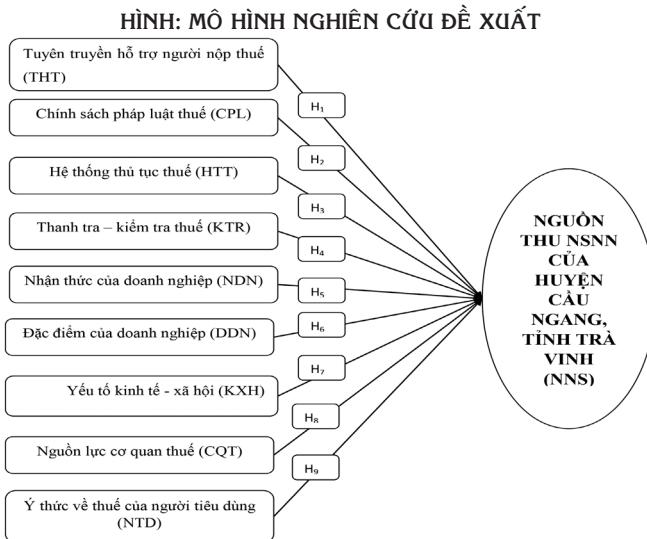
MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mô hình nghiên cứu

Dựa vào lược khái tài liệu của các nghiên cứu trước có liên quan, trên cơ sở các mô hình đã nghiên cứu của: Nguyễn Đào Khánh Vy (2015); Dương Tú Châu (2016); Bùi Văn Toản (2017); Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2017); Nguyễn Hồng Hà, Trang Thanh Ngân (2019); Nguyễn Khắc Duy (2019)..., tác giả đề xuất đưa vào mô hình nghiên cứu 9 biến có ảnh hưởng đến nguồn

* Học viên Cao học Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 20/10/2021; Ngày phản biện: 02/11/2021; Ngày duyệt đăng: 15/11/2021



Nguồn: Tác giả đề xuất

thu NSNN trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, gồm: (1) Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; (2) Chính sách pháp luật thuế; (3) Hệ thống thủ tục thuế; (4) Thanh tra - kiểm tra thuế; (5) Nhận thức của doanh nghiệp; (6) Đặc điểm của doanh nghiệp; (7) Yếu tố kinh tế - xã hội; (8) Nguồn lực cơ quan thuế; (9) Ý thức về thuế của người tiêu dùng (Hình).

Tác giả đưa ra các giả thuyết sau:

H_1 : “Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ trong kê khai thuế, nộp thuế của doanh nghiệp đến nguồn thu ngân sách.

H_2 : “Chính sách pháp luật thuế” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ của doanh nghiệp ảnh hưởng đến cơ sở tính thuế và phân chia nguồn thu ngân sách trên địa bàn huyện Cầu Ngang.

H_3 : “Hệ thống thủ tục thuế” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ của doanh nghiệp, thủ tục đơn giản, dễ làm, khai thuế, nộp thuế, sử dụng ứng dụng công nghệ trong thực hiện thủ tục thuế thuận tiện và nhanh gọn.

H_4 : “Thanh tra - kiểm tra thuế” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ của doanh nghiệp hạch toán, sổ sách kế toán, chứng từ, hóa đơn, khai thuế, nộp thuế và gian lận về thuế.

H_5 : “Nhận thức của doanh nghiệp” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ của doanh nghiệp trong hiểu biết và nhận thức về nghĩa vụ thuế.

H_6 : “Đặc điểm của doanh nghiệp” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và nghĩa vụ thuế.

H_7 : “Yếu tố kinh tế - xã hội” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ của doanh nghiệp ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu ngân sách trên địa bàn huyện Cầu Ngang.

H_8 : “Nguồn lực cơ quan thuế” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ của doanh nghiệp trong quản lý thuế và thu ngân sách trên địa bàn.

H_9 : “Ý thức về thuế của người tiêu dùng” có tác động cùng chiều đến Hành vi tuân thủ của doanh nghiệp trong mua bán hàng hóa, dịch vụ, hóa đơn, chứng từ thanh toán và nghĩa vụ thuế, là cơ sở thuế và nguồn thu ngân sách.

Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát được thực hiện bằng bảng câu hỏi. Đối tượng là ban giám đốc, kế toán của doanh nghiệp quản lý thuế tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Số phiếu hợp lệ thu về được 215 phiếu, thỏa mãn số lượng yêu cầu để tiến hành phân tích thống kê và kiểm định khung nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện đầu năm 2021 (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định thang đo

Kết quả phân tích cho thấy hệ số Cronbach's Alpha các thang đo đều lớn hơn 0.6, hệ số tương quan biến tổng tất cả các biến đều lớn hơn 0.3, nên thang đo phù hợp và có tính chặt chẽ giữa các yếu tố trong thang đo ở mức cao.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả phân tích EFA cho thấy, 36 biến độc lập được nhóm thành 9 nhân tố. Giá trị phương sai tích lũy khá cao 72.5%, tức là 9 nhân tố này giải thích được 72.5% kết quả (lớn hơn 50%), nên giá trị này được chấp nhận. Giá trị KMO khá cao là 0.811, nằm trong khoảng 0.5-1.0, nên giá trị này cũng được chấp nhận. Giá trị Sig. trong kiểm định Bartlett là 0.000 (nhỏ hơn mức ý nghĩa 5%), nên các biến quan sát có mối liên hệ với nhau (Bảng 1).

Phân tích hồi quy tuyến tính

Phân tích hồi quy được thực hiện với 9 biến độc lập bao gồm: CQT, NTD, THT, CPL, KTR, NDN, HTT, KXH, DDN. Kết quả (Bảng 2) cho thấy, yếu tố NTD - “Ý thức về thuế của người tiêu dùng” bị loại vì có $Sig. > 0.05$; còn lại 8 nhân tố đều có hệ số Beta dương và có $Sig. < 0.05$.

Kết quả phân tích hồi quy sau khi loại biến (Bảng 3) cho thấy, với hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0.729, các biến độc lập đưa vào mô hình ảnh hưởng 72.9% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 27.1% do các yếu tố khác ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Hệ số phỏng đại phương sai ($VIF < 2$), nên không xảy ra hiện tượng tự tương quan hoặc đa cộng tuyến, không làm ảnh hưởng đến kết quả của mô hình.

Hệ số phỏng đại phương sai VIF của các yếu tố đều < 2 (biến định lượng lấy mức 2, biến định tính lấy mức 10), nên vấn đề đa cộng tuyến không ảnh hưởng đến kết quả hồi quy. Các nhân tố đưa vào phân tích có tác động cùng chiều với

nguồn thu NSNN trên địa bàn huyện Cầu Ngang, vì hệ số chuẩn hóa Beta > 0. Hệ số Beta lớn nhất là 0.340 và nhỏ nhất là 0.101, tất cả đều là số dương.

Từ các thông số thống kê trong mô hình hồi quy, tác giả xây dựng mô hình tuyến tính như sau:

$$Y = 0.128*CQT + 0.101*THT + 0.221*CPL + 0.148*KTR + 0.136*NDN + 0.183*HTT + 0.340*KXH + 0.158*DDN$$

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết luận

Kết quả phân tích từ mô hình giả thuyết đã kết luận được 8 yếu tố tuân thủ thuế của các doanh nghiệp ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn huyện Cầu Ngang, gồm: (1) Nguồn lực cơ quan thuế; (2) Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; (3) Chính sách pháp luật thuế; (4) Thanh tra - kiểm tra thuế; (5) Nhận thức của doanh nghiệp; (6) Hệ thống thủ tục thuế; (7) Yếu tố kinh tế - xã hội; (8) Đặc điểm của doanh nghiệp.

Một số hàm ý chính sách

Dựa vào những yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, để người nộp thuế hài lòng về quản lý thuế của cơ quan thuế và tuân thủ thuế tốt với Nhà nước, tác giả đề xuất hàm ý chính sách và các giải pháp như sau:

Một là, nâng cao năng lực quản lý của cơ quan thuế. Ngành thuế cần khắc phục tình trạng nhũng nhiễu, tham nhũng vặt, làm xói mòn niềm tin, làm hư hỏng cán bộ và làm gia tăng chi phí không chính thức cho doanh nghiệp, hạn chế sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Xây dựng đạo đức văn hóa công chức, công vụ ngành thuế, nói không với tiêu cực; đào tạo bồi dưỡng trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của cán bộ thuế, xây dựng quy định chức năng nhiệm vụ cơ quan thuế mạnh hơn nữa về cơ sở vật chất, thiết bị, quyền hạn quản lý thuế theo yêu cầu mới.

Hai là, đổi mới công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế. Cụ thể, cần xây dựng quy trình truyền thông hỗ trợ hiện đại hơn, linh hoạt hơn, kết hợp các cơ quan chức năng báo, đài tuyên truyền đầy đủ kịp thời các chính sách thuế. Quy định rõ ràng hơn đối với các cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị xã hội, đặc biệt là các cơ quan báo chí, thông tin tiếp tục quan tâm đẩy mạnh các

BẢNG 1: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH EFA CÁC BIẾN ĐỘC LẬP

STT	Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	CQT4	.915								
2	CQT2	.892								
3	CQT1	.860								
4	CQT3	.787								
5	NTD4		.867							
6	NTD3		.860							
7	NTD2		.858							
8	NTD1		.834							
9	THT1			.850						
10	THT2				.812					
11	THT3				.791					
12	THT4				.755					
13	CPL2					.872				
14	CPL4					.825				
15	CPL1					.792				
16	CPL5					.751				
17	KTR1						.862			
18	KTR2						.787			
19	KTR3						.754			
20	KTR5						.672			
21	NDN2							.820		
22	NDN3							.789		
23	NDN4							.763		
24	NDN1							.748		
25	HTT1								.844	
26	HTT2								.834	
27	HTT3								.770	
28	HTT4								.707	
29	KXH2									.783
30	KXH1									.741
31	KXH3									.709
32	KXH4									.701
33	DDN3									.854
34	DDN2									.800
35	DDN1									.688
36	DDN4									.683
<i>% phương sai</i>		23.2	10.0	8.4	7.2	6.3	5.1	4.5	3.9	3.4
<i>% phương sai tổng</i>		= 72.5								
<i>KMO</i>		= .811								
<i>Kiểm định Bartlett's Test</i>		= .000								

BẢNG 2: CÁC HỆ SỐ MÔ HÌNH ƯỚC LƯỢNG^A

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa Beta	t	Sig.	Nhân tử phỏng đại phương sai VIF
	B	Sai số chuẩn				
1	(Hàng số)	-.749	.231		-3.235	.001
	CQT	.109	.035	.124	3.138	.002
	NTD	.013	.028	.017	.452	.652
	THT	.075	.033	.100	2.258	.025
	CPL	.160	.029	.221	5.577	.000
	KTR	.161	.048	.148	3.361	.001
	NDN	.142	.044	.134	3.243	.001
	HTT	.207	.045	.182	4.602	.000
<i>a. Biến phụ thuộc: NNS</i>						

BẢNG 3: CÁC HỆ SỐ MÔ HÌNH HỒI QUY KHI LOẠI BIẾN

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa Beta	t	Sig.	Nhân tử phỏng đại phương sai VIF
	B	Sai số chuẩn				
1	(Hàng số)	-.726	.226		-3.219	.001
	CQT	.113	.034	.128	3.321	.001
	THT	.076	.033	.101	2.295	.023
	CPL	.160	.029	.221	5.577	.000
	KTR	.161	.048	.148	3.363	.001
	NDN	.143	.043	.136	3.294	.001
	HTT	.209	.045	.183	4.674	.000
	KXH	.239	.034	.340	6.974	.000
<i>Biến phụ thuộc: NNS</i>						

Nguồn: Số liệu khảo sát 215 doanh nghiệp của tác giả

hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền hỗ trợ về cải cách thủ tục hành chính thuế, mục đích, ý nghĩa, tác động, hiệu quả của việc cải tiến thủ tục, đổi mới phương thức kê khai thuế, nộp thuế đối với cơ quan thuế và người nộp thuế. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến để người nộp thuế biết những lợi ích thiết thực của việc kê khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử, từ đó tích cực chấp hành tốt.

Bảy là, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thuế. Cân ban hành chính sách thuế phù hợp, khả thi và có hiệu lực lâu dài hơn. Do hiện nay thường xuyên có sự thay đổi nội dung trong các thông tư, văn bản chỉ đạo, quy trình, nên rất khó cho cán bộ thuế tra soát áp dụng, khi đó dễ dẫn đến sai sót.

Bốn là, đào tạo nâng lực đội ngũ làm công tác kiểm tra - thanh tra thuế. Cơ quan thuế cần bồi dưỡng, đào tạo, bố trí biên chế phù hợp cho công tác kiểm tra - thanh tra về chuyên môn, kỹ năng, tổ chức các lớp tập huấn chính sách mới, nghiệp vụ kiểm tra, phân tích hồ sơ khai thuế, báo cáo tài chính và kinh nghiệm kiểm tra nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ làm công tác kiểm tra - thanh tra.

Năm là, quán triệt nhận thức của doanh nghiệp về pháp luật thuế. Cần triển khai kịp thời các quy định về thuế cho từng đối tượng doanh nghiệp là ban giám đốc, kế toán, khai thuế, nộp thuế, nhất là hiện nay thực hiện giao dịch thuế điện tử, các doanh nghiệp nhỏ và vừa khó khăn trong thực hiện thuế điện tử tăng thêm chi phí cho doanh nghiệp. Cần quy định đơn giản về giao dịch điện tử, giúp dễ thực hiện khai chính sách thuế, nộp thuế, dịch vụ thuế.

Sáu là, cải cách hiện đại hóa hệ thống thủ tục thuế. Hiện nay, thủ tục hành chính thuế còn khá phức tạp. Vì vậy, cần đồng bộ chính sách thuế, thủ tục lâu dài hơn, có tính kế thừa thủ tục trước, đổi mới theo tính tinh gọn hơn, dễ hiểu, dễ làm. Các cơ quan thuế nên triển khai,

hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định về giao dịch điện tử, hóa đơn điện tử, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử kịp thời, giúp doanh nghiệp thực hiện tốt nhất.

Bảy là, quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội liên quan thu ngân sách. Hiện nay, có nhiều chính sách hỗ trợ tại địa phương, như: hỗ trợ hộ kinh doanh, hộ trợ người lao động tự do, giảm thuế cho doanh nghiệp, cho hộ kinh doanh... Vì thế, cần kiểm soát chặt việc xét hỗ trợ và kiểm tra, miễn giảm thuế đúng đối tượng, chính sách.

Tám là, hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống pháp luật về doanh nghiệp theo hướng quy định rõ quy mô, loại hình, chức năng, nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội. Nên ràng buộc về quy định thành lập doanh nghiệp, cần phải chứng minh được nguồn vốn đăng ký, địa điểm hoạt động, trụ sở doanh nghiệp, tránh tình trạng có giấy phép đăng ký, nhưng không có doanh nghiệp, không khai báo thuế và báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế trên địa bàn, thống kê doanh nghiệp không chính xác.

Chín là, giáo dục pháp luật về thuế để người tiêu dùng hiểu rõ. Cần giáo dục, phổ biến pháp luật về thuế, về NSNN đến người tiêu dùng thông qua nhiều phương tiện, như: báo, đài truyền hình, đài phát thanh, mạng xã hội..., nhằm nâng cao sự hiểu biết về pháp luật thuế đối với người tiêu dùng. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chi cục Thuế huyện Cầu Ngang (2018-2019). *Báo cáo tổng kết năm 2018, 2019*
- Chi cục thuế khu vực Cầu Ngang - Trà Cú (2020). *Báo cáo Sơ kết năm 2020*
- Dương Tú Châu (2016). *Các yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ trong kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Phú Nhuận*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học công nghệ TP. Hồ Chí Minh
- Nguyễn Khắc Duy (2019). *Các nhân tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp - Trường hợp tỉnh Đồng Tháp*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2017). *Các yếu tố tác động đến sự tuân thủ thuế của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn TP. Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
- Nguyễn Đào Khánh Vy (2015). *Các yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh
- Nguyễn Hồng Hà, Trang Thanh Ngân (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại tỉnh Sóc Trăng, Đại học Trà Vinh, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1, 11/2019
- Bùi Thị Thu Thảo (2019). Tầm quan trọng của quản lý thuế đối với tuân thủ nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh, *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, số tháng 9/2019
- Bùi Văn Toản (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp - Nghiên cứu thực nghiệm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển*, 126(5A)